

736	207	Phùng Thị phương Thảo		01/12/1980	271377668	Khu A, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
737	208	Phùng Thị Xảo		01/01/1931	270361565	Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
738	209	Phùng Văn Năm	01/01/1936		270361467	Khu B, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
739	210	Phùng Văn Tâm	14/03/1978		271364491	Khu B, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
740	211	Quảng Thị Dậy		01/01/1936	270362013	Khu B, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
741	212	Quảng Thị Ngót		01/01/1940	270361333	Khu B, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
742	213	Quảng Trọng Khen	01/01/1934		270361451	Khu B, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
743	214	Tăng Thị Hai		01/01/1930	270360862	K 3 B. Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
744	215	Thạch Thị Ích		01/01/1937	270361816	Khu B, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
745	216	Thái Ngọc Vân	01/01/1927		270361329	Khu C, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
746	217	Thái Tấn Nhiên	30/01/1959		270100187	Khu C, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	750	1.500	
747	218	Tổng Thị Cơ		01/01/1964	272414013	Khu B, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
748	219	Trần Hoàng Nam	17/04/1985		024156127	Khu C, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
749	220	Trần Lê Vy		03/12/2009		Khu B, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
750	221	Trần Minh Thắng	06/12/1953		270360945	ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
751	222	Trần Minh Thư	01/01/1994		272325206	Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500	
752	223	Trần Thị Bén		01/01/1929	270360710	K 2 B. Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
753	224	Trần Thị Bí		01/01/1937	270361699	Khu A, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
754	225	Trần Thị Kiểm		01/01/1937	270361733	Khu A, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
755	226	Trần Thị Lệ		01/01/1955	270361991	Khu C, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
756	227	Trần Thị Mười		01/01/1939	270362027	Khu C, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
757	228	Trần Thị Năm		01/01/1940	270361701	Khu A, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
758	229	Trần Thị Nhung		01/01/1969		Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
759	230	Trần Thị Thoại Khanh		01/01/1986	272378539	Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500	
760	231	Trần Thiên Thanh Tâm		28/01/2012		ấp Bình Thạch	Khoản 1 Điều 5 ND 136	450	1.500	
761	232	Trần Thiên Tuệ Minh		11/10/2010		ấp Bình Thạch	Khoản 1 Điều 5 ND 136	450	1.500	
762	233	Trần Trường Giang	01/01/1976		271843462	Khu 2, ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	

763	234	Trần Văn Thuận	01/01/1987		271725405	Khu A, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500
764	235	Trần Văn Vinh	01/01/1951		270629570	Khu C, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500
765	236	Trần Vĩnh Nghĩa	01/01/1930		270360968	K 3 B.Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500
766	237	Trịnh Thị Giàu		01/01/1937	272499632	Khu A, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500
767	238	Trương Ngọc Văn Trang		18/09/2015		Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500
768	239	Trương Thị Chở		01/01/1938	270360687	K 3, Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500
769	240	Trương Thị Công		01/01/1931	270361038	Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500
770	241	Trương Thị Hồng		15/09/1966	270624973	Khu 2 -ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500
771	242	Trương Thị Nhật		01/01/1950	270362010	Khu C, ấp Thới Sơn	Điểm a Khoản 5 Điều 5 ND 136	450	1.500
772	243	Trương Thị Phán		01/01/1938	270361517	Khu B, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500
773	244	Trương Thị Rịch		01/01/1932	270361631	Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500
774	245	Ví Thị Hưng		01/01/1929	270361041	K3 B.Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500
775	246	Võ Kim Nhân	01/01/1976		271924771	Khu A, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500
776	247	Võ Minh Phương	08/05/2008			Khu A, ấp Thới Sơn	Khoản 1 Điều 5 ND 136	450	1.500
777	248	Võ Thị Đất		01/01/1940	270361981	Khu C, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	750	1.500
778	249	Võ Thị Tâm		01/01/1940	270361763	Khu A, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500
779	250	Võ Văn Đồn	01/01/1929		270361994	KB T. Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500
780	251	Võ Văn Năm	01/01/1950		270384187	KB T. Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500
781	252	Võ Văn Phước	01/01/1934		270361946	K3.B.Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500
5	Xã Tân Bình								1.500
782	1	Áu Thiêm	15/04/1937		270382956	Bình Phước	Điểm b,khoản 5,Điều 5,ND 136	300	1.500
783	2	Bùi Đình Huy	15/08/2002			Bình Ý	Khoản 6, điều 5,ND 136	600	1.500
784	3	Bùi Đồng Quân Anh	06/11/2010			Bình Ý	Khoản 6, điều 5,ND 136	600	1.500
785	4	Bùi Ngọc Phương		24/04/2013		Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5,ND 136	750	1.500
786	5	Bùi Thị Giấy		01/01/1936	270135661	Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,ND 136	300	1.500
787	6	Bùi Thị Sanh		01/01/1939	270350942	Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,ND 136	300	1.500
788	7	Bùi Văn Thiệt	01/01/1935		270350733	Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,ND 136	300	1.500

789	8	Bùi Văn Tỏi	01/01/1930		270350604	Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
790	9	Cao Văn Thành	10/08/1956		270124385	Bình Ý	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	750	1.500	
791	10	Châu Kim Hoa		01/01/1940	271126338	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
792	11	Đặng Thị Bích Lan		01/01/1981		Tân Triều	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	600	1.500	
793	12	Đặng Thị Giàu		01/01/1938	270382278	Bình Ý	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	750	1.500	
794	13	Đặng Thị Tâm		01/01/1940	270650271	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
795	14	Đặng Thị Xanh		01/01/1934	270380072	Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
796	15	Đặng Văn Thịnh	20/10/1939		270121387	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
797	16	Đào Văn Đức	01/01/1937		280241196	Bình Ý	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	750	1.500	
798	17	Đinh Nguyễn Minh Triết	18/08/2007			Tân Triều	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	600	1.500	
799	18	Đinh Thị Đức		01/01/1929	270380404	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
800	19	Đinh Thị Liêm		01/01/1939	270350895	Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
801	20	Đinh Thị Thiện		01/01/1927	270380489	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
802	21	Đỗ Thị Hà		27/06/2010		Bình Ý	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	600	1.500	
803	22	Đỗ Thị Nhiệm		01/01/1936	270380483	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
804	23	Đỗ Thị To		01/01/1936	270382324	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
805	24	Đoàn Thị Tư		01/01/1933	270368006	Bình Phước	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
806	25	Dương Thị Hóm		01/01/1936	270368824	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
807	26	Dương Thị Thùy Linh		01/01/1970		Bình Lục	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	450	1.500	
808	27	Dương Văn Năm	01/01/1935		270368844	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
809	28	Hà Việt Tân	19/09/2006			Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	600	1.500	
810	29	Hồ Thị Ngọc Nữ		28/02/1990	290931719	Bình Ý	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	450	1.500	
811	30	Hồ Đức Hiếu	24/08/2008			Bình Phước	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	600	1.500	
812	31	Hồ Kim Lực		15/08/1956	270361320	Bình Lục	Điểm a,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	450	1.500	
813	32	Hồ Thị Lung		01/01/1936	270121219	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
814	33	Hồ Thị Tần		01/01/1938	270368920	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
815	34	Hồ Thị Vang		19/01/1933	203811195	Bình Phước	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	

816	35	Hồ Tuyết Nhi		13/11/2012		Bình Ý	Khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
817	36	Hồ Văn Lộc	02/04/1948		270380222	Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5, ND 136	750	1.500	
818	37	Hứa Văn A	01/01/1935		270368119	Bình Phước	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
819	38	Huỳnh Thị Thanh Trúc		03/03/2002		Bình Ý	Khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
820	39	Huỳnh Công Trọng	01/01/1927		270380429	Vĩnh Hiệp	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
821	40	Huỳnh Ngọc Anh		01/01/1938	272589222	Tân Triều	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	600	Đã nhận 900.000đ vé số
822	41	Huỳnh Ngọc Thanh	10/11/1980		271459148	Tân Triều	Khoản 6, điều 5, ND 136	600	500	Chết T4/2020
823	42	Huỳnh Tấn Phát	01/01/1982			Bình Ý	Khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
824	43	Huỳnh Thanh Thảo		29/01/2011		Tân Triều	Khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
825	44	Huỳnh Thị Bé		10/03/1963	270380246	Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
826	45	Huỳnh Thị Chì		01/01/1936	270368631	Bình Lục	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
827	46	Huỳnh Thị Diễm		01/01/1936	270382087	Bình Ý	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
828	47	Huỳnh Thị Giới		26/10/1935	270380419	Vĩnh Hiệp	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
829	48	Huỳnh Thị Hà		10/07/1936	270382381	Bình Ý	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
830	49	Huỳnh Thị Kim Loan		01/01/1939	270382472	Bình Ý	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
831	50	Huỳnh Thị Quới		01/01/1929	270380646	Vĩnh Hiệp	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
832	51	Huỳnh Thị Sen		01/01/1936	270380499	Vĩnh Hiệp	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
833	52	Huỳnh Thị Thiện		01/01/1937	270 368 239	Bình Phước	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
834	53	Huỳnh Thị Thới		01/01/1934	270368499	Bình Lục	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
835	54	Huỳnh Thị Thuận		01/01/1924	270380645	Vĩnh Hiệp	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
836	55	Huỳnh Thị Út		01/01/1934	270350715	Tân Triều	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
837	56	Huỳnh Thị Xinh		01/01/1963	270369382	Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
838	57	Huỳnh Thu Ánh		31/12/1975	272550629	Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
839	58	Huỳnh Văn Bé	01/01/1939		270359958	Bình Phước	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
840	59	Huỳnh Văn Bốn	01/01/1932		270368477	Bình Lục	Khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
841	60	Huỳnh Văn Em	16/03/1933		270350883	Tân Triều	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
842	61	Huỳnh Văn Hết	01/01/1930		270380021	Tân Triều	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	

843	62	Huỳnh Văn Lãng	01/01/1924		270369497	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,ND 136	300	1.500	
844	63	Huỳnh Văn Na	01/01/1940		270380360	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,ND 136	300	1.500	
845	64	Huỳnh Văn Quận	01/01/1935		270350737	Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,ND 136	300	1.500	
846	65	Huỳnh Văn Trung	01/01/1991			Tân Triều	Khoản 6, điều 5,ND 136	600	1.500	
847	66	La Thị Minh		01/01/1940	270383309	Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,ND 136	300	1.500	
848	67	La Tú Linh		01/01/1980		Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5,ND 136	450	1.500	
849	68	Lại Thị Na		01/01/1943		Bình Ý	Khoản 6, điều 5,ND 136	600	1.500	
850	69	Lâm Văn Út		01/01/1935	270382212	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,ND 136	300	1.500	
851	70	Lê Minh Hoàng	14/12/1941		270368169	Bình Phước	Khoản 6, điều 5,ND 136	600	500	Chết T4/2020
852	71	Lê Minh Út	01/01/1986			Bình Phước	Khoản 6, điều 5,ND 136	450	1.500	
853	72	Lê Ngọc Tâm	14/11/2004			Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5,ND 136	600	1.500	
854	73	Lê Như Khương	15/07/1980		271378396	Bình Lục	Khoản 6, điều 5,ND 136	450	1.500	
855	74	Lê Như Thủy		17/03/1984	271570184	Bình Phước	Khoản 6, điều 5,ND 136	450	600	Đã nhận 900.000đ vé số
856	75	Lê Thanh Phong	21/01/1982			Bình Phước	Khoản 6, điều 5,ND 136	600	1.500	
857	76	Lê Thanh Tùng	01/01/1975		271783710	Bình Lục	Khoản 6, điều 5,ND 136	450	1.500	
858	77	Lê Thị Kim Phép		01/01/1961		Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5,ND 136	450	1.500	
859	78	Lê Thị Anh		01/01/1944	270382020	Bình Ý	Khoản 6, điều 5,ND 136	600	1.500	
860	79	Lê Thị Bé		01/01/1940	270382049	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,ND 136	300	1.500	
861	80	Lê Thị Bù		01/01/1930	2703505668	Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,ND 136	300	1.500	
862	81	Lê Thị Cùa		01/01/1937	270 368 197	Bình Phước	Điểm b,khoản 5,Điều 5,ND 136	300	1.500	
863	82	Lê Thị Dài		01/01/1929	270380362	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,ND 136	300	1.500	
864	83	Lê Thị Đình		01/01/1940	270380566	Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,ND 136	300	1.500	
865	84	Lê Thị Được		01/01/1930	270368948	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,ND 136	300	1.500	
866	85	Lê Thị Dương		01/01/1927		Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,ND 136	300	1.500	
867	86	Lê Thị Hải		01/01/1933	270382242	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,ND 136	300	1.500	
868	87	Lê Thị Huỳnh Hoa		16/04/1939	270121180	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,ND 136	300	1.500	
869	88	Lê Thị Kim Tuyền		01/01/1993		Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5,ND 136	450	1.500	

870	89	Lê Thị Lài		01/01/1934	270083934	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
871	90	Lê Thị Liễu		01/01/1938	270380166	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
872	91	Lê Thị Loan		01/01/1981		Bình Lục	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	450	1.500	
873	92	Lê Thị Lượng		01/01/1940	270368385	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
874	93	Lê Thị Nghĩa		01/01/1938	271924281	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
875	94	Lê Thị Nhan		23/07/1938		Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
876	95	Lê Thị Nừa		01/01/1936	270368341	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
877	96	Lê Thị Quế		01/01/1933	270380485	Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
878	97	Lê Thị Thái		01/01/1934	270380588	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
879	98	Lê Thị Xinh		01/01/1940	270380269	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
880	99	Lê Thị Xinh		01/01/1926	270382316	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
881	100	Lê Văn Giới	01/01/1934		272789294	Bình Phước	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
882	101	Lê Văn Bị	01/01/1946		360570020	Bình Phước	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	600	1.500	
883	102	Lê Văn Bông	01/01/1939		270350940	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
884	103	Lê Văn Các	01/01/1930		270380151	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
885	104	Lê Văn Chờ	01/01/1934		270380648	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
886	105	Lê Văn Cui	01/01/1933			Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
887	106	Lê Văn Giản	01/01/1937		270 368 614	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
888	107	Lê văn Nổi	01/01/1921		270380663	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
889	108	Lê Văn Phời	01/01/1943		270106864	Bình Lục	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	750	1.500	
890	109	Liêng Hữu Tài	24/01/1994			Bình Phước	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	450	1.500	
891	110	Lương Công Doanh	06/06/1936			Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	600	1.500	
892	111	Lương Ngọc Hải Yến		07/11/2006		Bình Lục	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	750	1.500	
893	112	Lương Nhựt Tiến	01/01/1959			Bình Phước	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	600	1.500	
894	113	Lương Thị Đáng		01/01/1938	270380605	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
895	114	Lương Thị Gắn		01/01/1932	270382058	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
896	115	Lương Thị Hồng Đe		01/01/1956	272464183	Tân Triều	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	600	1.500	

897	116	Lương Thị Nữ Vân		01/01/1940	270121273	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
898	117	Lương Thị Ý		01/01/1937	270 368 804	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
899	118	Lương Văn Đạo	01/01/1943		270382091	Bình Ý	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	600	1.500	
900	119	Lương Văn Sơn	01/01/1925		270350544	Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
901	120	Lương Văn Ước	01/01/1939		270382163	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
902	121	Lưu Thị Thái		01/01/1940		Bình Ý	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	750	1.500	
903	122	Mai Thị Thanh		01/01/1938	270368380	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
904	123	Mai Thị Thôi		01/01/1938	270350656	Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
905	124	Mai Thị Trâm		01/01/1939	270368434	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
906	125	Mai Thị Vãn		01/01/1936	2703668235	Bình Phước	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
907	126	Mai Văn Nữa	01/01/1940		270368879	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
908	127	Ngô Hoàng Dương Liệt	07/12/1979		271427535	Vĩnh Hiệp	Khoản 4, điều 5,NĐ 136	450	1.500	
909	128	Ngô Phước Lai	01/01/1974			Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	450	1.500	
910	129	Ngô Phương Hùng	03/06/1977		272026035	Bình Ý	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	450	1.500	
911	130	Ngô Thị Diềng		01/01/1949	270380647	Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	600	1.500	
912	131	Ngô Thị Nơi		01/01/1927	270380095	Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
913	132	Ngô Văn Sơn	01/01/1925		270380448	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
914	133	Ngô Văn Xuân	18/08/1951		270380260	Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	600	1.500	
915	134	Nguyễn Văn Dở	01/01/1935		270380078	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
916	135	Nguyễn Công Chung	01/01/1995			Tân Triều	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	450	1.500	
917	136	Nguyễn Duy Thuận	06/06/2003			Bình Ý	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	600	1.500	
918	137	Nguyễn Hoài Phong	21/12/1996		272 547 038	Bình Lục	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	450	1.500	
919	138	Nguyễn Hoàng Oanh		18/08/1998		Bình Ý	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	600	1.500	
920	139	Nguyễn Hữu Hiệp	01/01/1938			Bình Phước	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
921	140	Nguyễn Huỳnh Phúc Hậu	31/12/2007			Vĩnh Hiệp	Khoản 1, điều 5,NĐ 136	450	1.500	
922	141	Nguyễn Huỳnh Thanh Phươn	18/12/2008			Vĩnh Hiệp	Khoản 1, điều 5,NĐ 136	450	1.500	
923	142	Nguyễn Kim Hoa		02/11/1952	2703506648	Tân Triều	Điểm a,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	450	1.500	

924	143	Nguyễn Kim Lê			02/05/1957		Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500
925	144	Nguyễn Lưu Văn	01/01/1967			270629876	Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500
926	145	Nguyễn Minh Ngọc	07/10/2005				Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500
927	146	Nguyễn Ngọc Ánh	01/01/1935				Bình Phước	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
928	147	Nguyễn Quốc Chiến	01/01/1998				Bình Lục	Khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500
929	148	Nguyễn Tấn Thảo	01/01/1938			270350547	Tân Triều	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
930	149	Nguyễn Thành Long	01/01/1968				Bình Lục	Khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500
931	150	Nguyễn Thành Mừng	01/01/1940			270378712	Bình Phước	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
932	151	Nguyễn Thanh Phương			24/11/2006		Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5, ND 136	750	1.500
933	152	Nguyễn Thị A			01/01/1928		Tân Triều	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
934	153	Nguyễn Thị An			01/03/1940	270382260	Bình Ý	Khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500
935	154	Nguyễn Thị An			01/01/1978		Tân Triều	Khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500
936	155	Nguyễn Thị Ánh			01/01/1940	270368053	Bình Phước	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
937	156	Nguyễn Thị Ánh			01/01/1960		Bình Ý	Khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500
938	157	Nguyễn Thị Ba			01/01/1940	270359968	Bình Phước	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
939	158	Nguyễn Thị Ba			01/01/1934	270368368	Bình Lục	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
940	159	Nguyễn Thị Ba			01/01/1935	270382460	Bình Ý	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
941	160	Nguyễn Thị Ba			01/01/1939	270382018	Bình Ý	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
942	161	Nguyễn Thị Bé			01/01/1945	270350706	Tân Triều	Khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500
943	162	Nguyễn Thị Bê			01/01/1937		Tân Triều	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
944	163	Nguyễn Thị Bình An			18/05/2012		Vĩnh Hiệp	Điểm b, khoản 1, Điều 5, ND 136	450	1.500
945	164	Nguyễn Thị Châm			01/01/1937	270 350 572	Tân Triều	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
946	165	Nguyễn Thị Chính			01/01/1933	270380075	Vĩnh Hiệp	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
947	166	Nguyễn Thị Cúc			01/01/1941	270390426	Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5, ND 136	750	1.500
948	167	Nguyễn Thị Danh			01/01/1937	270 368 754	Bình Lục	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500
949	168	Nguyễn Thị Diễm Phúc			17/03/1969	270778645	Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500
950	169	Nguyễn Thị Dơi			01/01/1932	279380443	Vĩnh Hiệp	Điểm b, khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500

951	170	Nguyễn Thị Hiệp		08/08/1954	270652092	Bình Ý	Khoản 6, điều 5, ND 136	750	1.500	
952	171	Nguyễn Thị Hòa		07/04/1939		Bình Ý	Điểm b,khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
953	172	Nguyễn Thị Hón		01/01/1924	272026236	Bình Phước	Điểm b,khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
954	173	Nguyễn Thị Hồng Đào		17/12/1990		Tân Triều	Khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
955	174	Nguyễn Thị Kia		01/01/1938		Tân Triều	Điểm b,khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
956	175	Nguyễn Thị kim Bảo		14/03/1956	270380458		Khoản 6, điều 5, ND 136	600	1.500	
957	176	Nguyễn Thị Kim Ngọc		19/06/1987	272222091	Bình Ý	Khoản 6, điều 5, ND 136	450	1.500	
958	177	Nguyễn Thị Lành		01/01/1937		Tân Triều	Điểm b,khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
959	178	Nguyễn Thị Lê		01/01/1926	270368061	Bình Phước	Điểm b,khoản 5, Điều 5, ND 136	600	1.500	
960	179	Nguyễn Thị Liễu		01/01/1938	270368550	Bình Lục	Điểm b,khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
961	180	Nguyễn Thị Lón		01/01/1933	270382095	Bình Ý	Điểm b,khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
962	181	Nguyễn Thị Lùng		01/01/1937	270 382 237	Bình Ý	Điểm b,khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
963	182	Nguyễn Thị Mỹ Phương		15/01/1940	270350676	Tân Triều	Điểm b,khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
964	183	Nguyễn Thị Năm		01/01/1930	270382336	Bình Ý	Điểm b,khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
965	184	Nguyễn Thị Ngai		01/01/1937	270 380 277	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
966	185	Nguyễn Thị Ngọt		01/01/1925	270368839	Bình Lục	Điểm b,khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
967	186	Nguyễn Thị Nhan		01/01/1940	270380055	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
968	187	Nguyễn Thị Nhịn		01/01/1938		Bình Lục	Điểm b,khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
969	188	Nguyễn Thị Nhỏ		01/01/1940	270380116	Tân Triều	Điểm b,khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
970	189	Nguyễn Thị Nở		01/01/1937	270 380 012	Tân Triều	Điểm b,khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
971	190	Nguyễn Thị Nở		01/01/1923	270350690	Tân Triều	Khoản 6, điều 5, ND 136	750	1.500	
972	191	Nguyễn Thị Nói		01/01/1929	270380403	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
973	192	Nguyễn Thị On		01/01/1930	270368306	Bình Lục	Điểm b,khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
974	193	Nguyễn Thị Phụng		01/01/1929	270359997	Bình Phước	Điểm b,khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
975	194	Nguyễn Thị Quân		01/01/1932	270380188	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
976	195	Nguyễn Thị Rý		01/01/1939	270380211	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
977	196	Nguyễn Thị Sáng		01/01/1930	270359998	Bình Phước	Điểm b,khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	

978	197	Nguyễn Thị Sương		01/01/1940	270099291	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500
979	198	Nguyễn Thị Thái		01/01/1939	270382075	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500
980	199	Nguyễn Thị Thái		01/01/1937	270 380 675	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500
981	200	Nguyễn Thị Thao		01/01/1975	272441806	Bình Lục	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	450	1.500
982	201	Nguyễn Thị Thiều		01/01/1936	270368431	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500
983	202	Nguyễn Thị Tích		01/01/1927	270380203	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500
984	203	Nguyễn Thị Trọng		01/01/1938	270350707	Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500
985	204	Nguyễn Thị Tươi		01/01/1953	280234318	Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	750	1.500
986	205	Nguyễn Thị Tuyết Kiều		01/01/1974	271049912	Bình Lục	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	450	1.500
987	206	Nguyễn Thị Vạn		02/04/1969	271842804	Tân Triều	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	450	1.500
988	207	Nguyễn Thị Vĩ		01/01/1929	270629864	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500
989	208	Nguyễn Thị Xích		01/01/1935	272105432	Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500
990	209	Nguyễn Trần Huy Nhật	06/04/2012			Bình Lục	Điểm b,khoản 1, Điều 5,NĐ 136	450	1.500
991	210	Nguyễn Trọng Tâm	13/09/2010			Bình Ý	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	600	1.500
992	211	Nguyễn Văn Ba	01/01/1930		270448253	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500
993	212	Nguyễn Văn Bạc	01/01/1936		270624806	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500
994	213	Nguyễn Văn Bằng	16/03/1936			Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500
995	214	Nguyễn Văn Bật	01/01/1939		271537982	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500
996	215	Nguyễn Văn Bình	22/02/1964		271514131	Bình Lục	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	450	1.500
997	216	Nguyễn Văn Cầm	01/01/1933		270350743	Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500
998	217	Nguyễn Văn Đông	01/01/1936		270368287	Bình Phước	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500
999	218	Nguyễn Văn Đức	01/01/1940		272569256	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500
1000	219	Nguyễn Văn Dũng	01/01/1937		270 368 866	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500
1001	220	Nguyễn Văn Hạng	01/01/1937		270 368 388	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500
1002	221	Nguyễn Văn Hiền	23/05/1958		270778133	Bình Ý	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	750	1.500
1003	222	Nguyễn Văn Hoành	01/03/1948		270906649	Bình Lục	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	600	1.500
1004	223	Nguyễn Văn Hùng	14/08/1964		270382253	Bình Ý	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	450	1.500

1005	224	Nguyễn Văn Hùng	01/01/1940		270360718	Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1006	225	Nguyễn Văn Khách	01/01/1949				Khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500	
1007	226	Nguyễn Văn Long	01/01/1930		270128985	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	500	Chết T4/2020
1008	227	Nguyễn Văn Lý	01/01/1938		270350777	Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1009	228	Nguyễn Văn Mi	01/01/1962			Bình Phước	Khoản 6, điều 5, NĐ 136	450	1.500	
1010	229	Nguyễn Văn Muôn	14/04/1966		270624756	Bình Lục	Khoản 6, điều 5, NĐ 136	450	1.500	
1011	230	Nguyễn Văn Năm	30/07/1954		270629691	Tân Triều	Khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	600	Đã nhận 900.000đ vé số
1012	231	Nguyễn Văn Ngon	01/01/1938		270368465	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1013	232	Nguyễn Văn Nhỏ	01/01/1932		270368764	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1014	233	Nguyễn Văn Nhon	09/09/1940		272026249	Bình Phước	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	750	1.500	
1015	234	Nguyễn Văn Phước	01/01/1962			Bình Phước	Khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500	
1016	235	Nguyễn Văn Quyền	08/01/1939		270368884	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1017	236	Nguyễn Văn Sắt	01/01/1940		270380515	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1018	237	Nguyễn Văn Thề	01/01/1940		270368417	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1019	238	Nguyễn Văn Tước	01/01/1939		270359944	Bình Phước	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	750	1.500	
1020	239	Nguyễn Văn Tường	01/01/1939		272026295	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1021	240	Nguyễn Văn Xinh	01/01/1939		270348996	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	600	1.500	
1022	241	Nguyễn Văn Xuân	01/01/1966		270 650 381	Bình Ý	Khoản 6, điều 5, NĐ 136	450	1.500	
1023	242	Phạm Long Phi vân	01/01/1969		2706650270	Bình Lục	Khoản 6, điều 5, NĐ 136	450	1.500	
1024	243	Phạm Minh Hiếu	20/04/1986		271769182	Bình Ý	Khoản 6, điều 5, NĐ 136	450	1.500	
1025	244	Phạm Tấn Phụng	01/01/1940		270382388	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1026	245	Phạm Tấn Tài	01/01/1931		270380010	Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1027	246	Phạm Thành Hậu	27/11/2005			Bình Ý	Điểm	450	1.500	
1028	247	Phạm Thị Ba		01/01/1940	270382101	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1029	248	Phạm Thị Bực		01/01/1935		Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1030	249	Phạm Thị Khích		01/01/1934	270350782	Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1031	250	Phạm Thị Kim Hoa		01/01/1966		Bình Phước	Khoản 6, điều 5, NĐ 136	450	1.500	

1032	251	Phạm Thị Ngân			01/01/1933	270350667	Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500
1033	252	Phạm Thị Nơi			01/01/1975		Bình Ý	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	450	1.500
1034	253	Phạm Thị Sơn			04/04/1936	270382494	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500
1035	254	Phạm Thị Thơi			01/01/1940	270368476	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	750	1.500
1036	255	Phạm Thị Vân			01/01/1938	270350860	Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500
1037	256	Phạm Văn Bá	01/01/1929			270350841	Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500
1038	257	Phạm Văn Dũng	01/01/1971				Bình Ý	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	450	1.500
1039	258	Phạm Văn Trong	01/01/1962			272145808	Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	450	1.500
1040	259	Phan Ngọc Sang	01/01/1971			270909330	Tân Triều	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	450	1.500
1041	260	Phan Thị Giọt			01/01/1945	270368453	Bình Lục	Điểm a,khoản 5, điều 5, NĐ 136	450	1.500
1042	261	Phan Thị Lạc			01/01/1937	272 026 256	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500
1043	262	Phan Thị Trào			17/05/1939	270368605	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500
1044	263	Phan Thị Út			01/01/1932	270350759	Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500
1045	264	Phan Thu Thủy			01/01/1940	270380520	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500
1046	265	Phan Văn Chúc	01/01/1942			270350728	Tân Triều	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	600	1.500
1047	266	Phú Thị Rịch			01/01/1937		Bình Phước	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500
1048	267	Phú Văn Sáng	02/09/1955			270380176	Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	600	1.500
1049	268	Quản Thị A			01/01/1939	270121207	Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500
1050	269	Quản Thị Hai			01/01/1930	270385607	Bình Phước	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500
1051	270	Tăng Minh Khương	09/09/1997				Tân Triều	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	450	1.500
1052	271	Thái Văn Nhã	07/07/1940			272499919	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	600	1.500
1053	272	Tôn Thị Huệ			01/01/1961	272712585	Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	450	1.500
1054	273	Tôn Thị Út			01/01/1943	272419769	Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	750	1.500
1055	274	Trần Anh Tuấn	01/01/1983				Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	600	1.500
1056	275	Trần Bảo Long	08/10/2007				Bình Phước	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	600	1.500
1057	276	Trần Đình Minh Đạt	20/07/2004				Tân Triều	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	600	1.500
1058	277	Trần Kim Hạnh			01/10/1988	271769203	Bình Ý	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	450	1.500

1059	278	Trần Kim Hoàng		01/01/1939	270375627	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1060	279	Trần Kim Phụng		17/03/1963	270380640	Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500	
1061	280	Trần Minh Hưng	01/01/1961		270380622	Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5, NĐ 136	450	1.500	
1062	281	Trần Minh Sang	01/01/1992			Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500	
1063	282	Trần Quang Tâm	23/09/1958		270382435	Bình Ý	Khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500	
1064	283	Trần Quốc Việt	22/01/1986			Bình Ý	Khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500	
1065	284	Trần Thanh Minh	02/11/2008			Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500	
1066	285	Trần Thế Ba	01/01/1930		270380259	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1067	286	Trần Thế Công	01/01/1956		272846186		Khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500	
1068	287	Trần Thị Bay		01/01/1940	270368430	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1069	288	Trần Thị Chôn		01/01/1940	270368978	Bình Phước	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1070	289	Trần Thị Đình		01/01/1940	270368594	Bình Phước	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1071	290	Trần Thị Gần		01/01/1935	270368205	Bình Phước	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1072	291	Trần Thị Hôn		01/01/1945	270382366	Bình Ý	Khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500	
1073	292	Trần Thị Lự		01/01/1934	270368668	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1074	293	Trần Thị Lùn		19/01/1965	272495144	Bình Lục	Khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500	
1075	294	Trần Thị Minh		29/07/1975	271371328	Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500	
1076	295	Trần Thị Mùi		01/01/1955	270368568	Bình Lục	Điểm a,khoản 5, điều 5, NĐ 136	450	1.500	
1077	296	Trần Thị Mỹ		01/01/1938	270380306	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1078	297	Trần Thị Nét		01/01/1937	270 380 526	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1079	298	Trần Thị Nga		20/07/1958	270121384	Bình Lục	Khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500	
1080	299	Trần Thị Nuôi		01/01/1934	270350555	Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1081	300	Trần Thị Út		01/01/1932	270368332	Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1082	301	Trần Văn Bén	01/01/1929		270380333	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1083	302	Trần Văn Bi	01/01/1932		270380628	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1084	303	Trần Văn Bốn	01/01/1947			Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5, NĐ 136	750	1.500	
1085	304	Trần Văn Cao	15/01/1958		270629755	Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5, NĐ 136	600	1.500	

1086	305	Trần Văn Cho	01/01/1932		270382341	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	600	1.500	
1087	306	Trần Văn Đặng	01/01/1957		270380338	Vĩnh Hiệp	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	600	1.500	
1088	307	Trần Văn Đức	15/05/1973		271018600	Tân Triều	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	600	1.500	
1089	308	Trần Văn Mỹ	26/11/1957			Bình Ý	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	600	1.500	
1090	309	Trần Văn Nó	01/01/1938		270382425	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1091	310	Trần văn Quang	01/01/1936		270976045	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	600	Đã nhận 900.000đ vé số
1092	311	Trần Văn Sả	01/01/1923		270380302	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1093	312	Trần Văn Thanh	01/01/1934		270348991	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1094	313	Trần Văn Tước	01/01/1939		270380291	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1095	314	Trần Văn Xanh	01/01/1939			Bình Lục	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1096	315	Trịnh Ngọc Hiền	24/08/2002			Vĩnh Hiệp	Khoản 2, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
1097	316	Trịnh Thị Ốm		01/01/1941	270368008	Bình Phước	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	600	1.500	
1098	317	Trịnh Văn U	01/01/1939		270380236	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1099	318	Trương Hải Yến		16/06/2015		Bình Ý	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	750	1.500	
1100	319	Trương Văn Dáng	10/09/1969		271583561	Bình Ý	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	450	1.500	
1101	320	Võ Huệ Minh	01/01/1965		270624798	Bình Lục	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	450	1.500	
1102	321	Võ Ngọc Minh		01/01/1937	270368182	Bình Phước	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1103	322	Võ Thị Kiều		01/01/1937	270 368 228	Bình Phước	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1104	323	Võ Thị Liếng		01/01/1939	270382192	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1105	324	Võ Thị Mi		01/01/1962	272222837	Bình Lục	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	450	1.500	
1106	325	Võ Thị Ngọc Ân		01/01/1940	270350585	Tân Triều	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1107	326	Võ Thị Oanh		01/01/1940	2703668098	Bình Phước	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1108	327	Võ Thị Phụng		06/01/1933	270380163	Vĩnh Hiệp	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1109	328	Võ Thị Sích		01/01/1921	270368208	Bình Phước	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1110	329	Võ Thị Thanh		02/06/1958	270382011	Bình Ý	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	750	1.500	
1111	330	Võ Thị Thế		01/01/1936	270382125	Bình Ý	Điểm b,khoản 5,Điều 5,NĐ 136	300	1.500	
1112	331	Võ Văn Được	07/03/1958			Bình Phước	Khoản 6, điều 5,NĐ 136	600	1.500	

1113	332	Võ Văn Khải	01/01/1936		270380428	Vinh Hiệp	Điểm b,khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1114	333	Võ Văn Tiết	01/01/1927		270368594	Bình Lục	Điểm b,khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1115	334	Võ Văn Xuôi	01/01/1935		270350015	Tân Triều	Điểm b,khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1116	335	Vũ Thị Hồng		01/01/1940	270350615	Tân Triều	Điểm b,khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1117	336	Vũ Thị Thoa		01/10/1937		Bình Phước	Điểm b,khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
6		Xã Trị An							1.500	
1118	1	Bùi Hữu Trọng	1960		271925572	ấp 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
1119	2	Cao Bông	1933		272220436	ấp 1	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1120	3	Đặng Quang Sở	1938		272654075	ấp 01	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1121	4	Đặng Thị Kim Thanh		1960	270381263	ấp 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
1122	5	Đặng Thị Thìn		1940	270385351	ấp 1	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1123	6	Đào Văn Bình	1939		270385177	ấp 1	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1124	7	Đỗ Thị Xuân Thu		1972	271843401	ấp 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
1125	8	Đỗ Văn Kháng	1933		272220417	ấp 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1126	9	Đoàn Hồng Liên	1958		270375719	ấp 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
1127	10	Đoàn Văn Thuận	1942		270385574	ấp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
1128	11	Dương Đình Thịnh	1952		270385567	ấp 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
1129	12	Dương Thị Đàm		1932	270385701	ấp 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1130	13	Dương Thị Tư		1933	270385131	ấp 1	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1131	14	Hà Duy Hiệu	1983		271570694	ấp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
1132	15	Hồ Tuyết Mai		1939	271209484	ấp 1	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	600	Đã nhận 900.000đ vé số
1133	16	Huỳnh Văn Bánh	1938		021427476	ấp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
1134	17	Huỳnh Văn Phê	1931		270385119	ấp 1	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1135	18	La Văn Mỹ	1955		270659911	ấp 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
1136	19	Lê Mão	1939		272220260	ấp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
1137	20	Lê Sơn Trước	1967		270907563	ấp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	600	Đã nhận 900.000đ vé số

1138	21	Lê Thị Bửu			1935	270381955	ấp 1	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
1139	22	Lê Thị Cúc			1967	270650807	ấp 1	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
1140	23	Lê Thị Hai	1933			271925125	ấp 1	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
1141	24	Lê Thị Thanh Thúy			1978		ấp 2	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
1142	25	Lê Văn Đức	1933			270385196	ấp 1	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
1143	26	Lê Văn Lộc	1935			270385368	ấp 2	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
1144	27	Liên Tấn Nguyên	1981			271424086	ấp 1	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500
1145	28	Lương Thị Muộn			1934	270385120	ấp 1	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
1146	29	Mã Thị Năm			1941	271537081	ấp 1	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	750	1.500
1147	30	Ngô Quốc Bửu	1982				ấp 2	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500
1148	31	Ngô Thị Hương			1933	270385261	ấp 1	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
1149	32	Ngô Thị Hương			1950	270385261	ấp 02	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	450	1.500
1150	33	Ngô Thị Xáp			1938	270374331	ấp 01	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
1151	34	Ngô Văn Dữ	1935			270380615	ấp 1	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
1152	35	Ngô Văn Khuê	1964			270380553	ấp 1	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
1153	36	Ngũ Văn Hên	1940			270374135	ấp 1	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
1154	37	Nguyễn Anh Tuấn	1933			272001967	ấp 01	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
1155	38	Nguyễn Bửu	1935			270385646	ấp 2	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500
1156	39	Nguyễn Đình Ái	1956			270385114	ấp 1	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
1157	40	Nguyễn Minh Tâm	2005			272047456	ấp 01	Khoản 1, Điều 5, NĐ 136	450	1.500
1158	41	Nguyễn Mộng Long	1964			271818084	ấp 1	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500
1159	42	Nguyễn Ngọc Hùng	1956			270650812	ấp 1	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
1160	43	Nguyễn Như Lang	1942			270375383	ấp 1	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
1161	44	Nguyễn Như Ngọc			2012		ấp 1	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	750	1.500
1162	45	Nguyễn Phan Hoài Bảo	2003				ấp 1	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500
1163	46	Nguyễn Thành Đức	1988			271827978	ấp 1	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500
1164	47	Nguyễn Thanh Trọng	2000			272846531	ấp 01	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500

1165	48	Nguyễn Thị A		1935	270385711	ấp 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1166	49	Nguyễn Thị Bảy		1934	270385750	ấp 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1167	50	Nguyễn Thị Cấp		1930	270385658	ấp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
1168	51	Nguyễn Thị Dằm		1935	270385416	ấp 1	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1169	52	Nguyễn Thị Đăng		1937	270368818	ấp 01	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1170	53	Nguyễn Thị Định		1935	270104284	ấp 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1171	54	Nguyễn Thị Hai		1935		ấp 02	Khoản 5, Điều 5, ND 136	600	1.500	
1172	55	Nguyễn Thị Hẹ		1934	272220486	ấp 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1173	56	Nguyễn Thị Hương		1954	270385595	ấp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
1174	57	Nguyễn Thị Hương		1941	270385595	ấp 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
1175	58	Nguyễn Thị Mậu		1935	270005770	ấp 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1176	59	Nguyễn Thị Mèo		1940	272192925	ấp 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1177	60	Nguyễn Thị Ngọt		1937	270385676	ấp 02	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1178	61	Nguyễn Thị Nhất		1930		ấp 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1179	62	Nguyễn Thị Nụ		1932	270385517	ấp 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1180	63	Nguyễn Thị Phùng		1927	270385447	ấp 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1181	64	Nguyễn Thị Rông		1940	270062683	ấp 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
1182	65	Nguyễn Thị Sáu		1930	270385425	ấp 1	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1183	66	Nguyễn Thị Tám		1969		ấp 01	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
1184	67	Nguyễn Thị Thân		1930	270368127	ấp 01	Khoản 5, Điều 5, ND 136	600	1.500	
1185	68	Nguyễn Thị Thành		1939	021448993	ấp 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1186	69	Nguyễn Thị Thu Hà		1936	272220757	ấp 1	Khoản 5, Điều 5, ND 136	600	1.500	
1187	70	Nguyễn Văn Hai		1939	270385239	ấp 1	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1188	71	Nguyễn Văn Hậu		1930	270154561	ấp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
1189	72	Nguyễn Văn Hiệp		1963	272441849	ấp 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
1190	73	Nguyễn Văn Liên		1938	272175914	ấp 02	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1191	74	Nguyễn Văn Mẫn		1960	270385637	ấp 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	

1192	75	Nguyễn Văn Năm	1950		270385755	áp 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
1193	76	Nguyễn Văn Quân	1943		270385528	áp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
1194	77	Nguyễn Văn Sơn		1934	270659825	áp 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1195	78	Nguyễn Văn Thanh	1966		270650857	áp 01	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
1196	79	Phạm Đình Thành	1935		272220415	áp 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1197	80	Phạm Thị Mùi		1930	270778683	áp 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
1198	81	Phạm Thị Năm		1937	272220427	áp 02	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1199	82	Phạm Thị Sâm		1937	270385469	áp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
1200	83	Phạm Văn Nửa	1941		270368910	áp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
1201	84	Phùng Thị Cừ		1936	270385544	áp 02	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1202	85	Siu Tiểu My		1996		áp 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
1203	86	Thiều Thị Quyết		1936	270385585	áp 02	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1204	87	Tổng Văn Cần	1927		272617941	áp 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1205	88	Trần Khang	1937		270385632	áp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
1206	89	Trần Minh Phong	1988			áp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
1207	90	Trần Quang Anh		1935	272220402	áp 02	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1208	91	Trần Thị Bé		1935	270335694	áp 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1209	92	Trần Thị Như Ý		2008		áp 01	Khoản 1, Điều 5, ND 136	450	1.500	
1210	93	Trần Thị Út		1939	272220437	áp 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1211	94	Trần Thị Vân		1948	272229216	áp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
1212	95	Trần Văn Bình	1939		270385116	áp 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
1213	96	Trần Văn Chương	2003			áp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
1214	97	Trần Văn Đức	1960		270629656	áp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
1215	98	Trần Văn Hòa	1932		270096283	áp 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1216	99	Trần Văn Nở	1973		272026116	áp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	600	Đã nhận 900.000đ vé số
1217	100	Trần Xuân Tàng	1940		270385645	áp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
1218	101	Trương Thu Việt	2006			áp 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	

1219	102	Trương Thúy Linh		1986	271656036	ấp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
1220	103	Võ Minh Hiếu	1973		272359180	ấp 2	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
1221	104	Võ Thị Đồng		1931	270381982	ấp 1	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
1222	105	Võ Thị Được		1949	270385657	ấp 01	Khoản 5, Điều 5, ND 136	450	1.500	
1223	106	Võ Văn Khưu	1924		270385247	ấp 1	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
1224	107	Vũ Thị Thược		1939		ấp 2	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
7		Xã Vĩnh Tân								
1225	1	An Thị Kim		01/01/1974		Tổ 08 - ấp 01	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1226	2	Bùi Gia Bảo	04/07/2010			Tổ 17, ấp 06	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1227	3	Bùi Gia Kiệt	02/10/2014			Tổ 8, ấp 1	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1228	4	Bùi Hữu Dũng	29/08/2007			Tổ 11, ấp 5	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1229	5	Bùi Kim Thênh	20/02/1939		272310120	ấp 3	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1230	6	Bùi ngọc Anh Khoa	07/06/2011			Tổ 12, ấp 02	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1231	7	Bùi Thị Đăng		08/05/1955	161322341	tổ 6, ấp 4	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1232	8	Bùi Thị Hoài Thương		16/01/2004		tổ 8, ấp 1	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1233	9	Bùi Thị La		01/01/1972	271489751	ấp 1	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1234	10	Bùi Thị Nguyên		06/10/1969	272362812	Tổ 01, ấp 2	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1235	11	Bùi Thị Tiú		01/01/1936		Tổ 03, ấp 02	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1236	12	Bùi Văn Tiến	01/01/1939		272449065	ấp 6	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1237	13	Cao Thị Khiêm		01/01/1940	270477352	Tổ 16, ấp 3	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1238	14	Cao Thị Tường Vy		12/12/2010		Tổ 05, ấp 05	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1239	15	Cao Văn Thế	30/06/1987		271770356	tổ 7, ấp 5	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1240	16	Chí Hòa Hiệp	28/05/2008			tổ 7, ấp 1	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1241	17	Chu Mạnh Tấn	15/11/2011			Tổ 14, ấp 03	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1242	18	Chu Thanh Long	01/01/1995		272617307	Tổ 2-ấp 5	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1243	19	Chung Văn Thu	01/01/1978		320938058	ấp 5	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1244	20	Đặng Đình Chung	01/01/1957		271192200	tổ 8, ấp 4	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	

1245	21	Đặng Huy Tước	01/01/1933		272618696	Tổ 11, ấp 2	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1246	22	Đặng Thị Hạnh		01/01/1978	271377640	Tổ 12 - ấp 03	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1247	23	Đặng Thị Ngân		01/01/1919		ấp 5	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.000	Chết TS/2020
1248	24	Đặng Thị Xuân		01/01/1939	272310134	ấp 3	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1249	25	Đặng Thị Ý		01/01/1946	272414047	Tổ 11, ấp 6	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1250	26	Đào Thị Thúy Sơn		01/01/1964	272310738	Tổ 10, ấp 02	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	600	Đã nhận 900.000đ vé số
1251	27	Đinh Thanh Phong	01/01/1981			ấp 4	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1252	28	Đinh Thanh Vân	01/01/1936			Tổ 15, ấp 03	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1253	29	Đinh Thế Long	08/01/1973			Tổ 4, ấp 1	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1254	30	Đinh Thị Chi		22/02/1940	272676000	ấp 1	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1255	31	Đinh Thị Đồng		01/01/1939	272251304	ấp 6	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1256	32	Đinh Thị Nhật		01/01/1978		Tổ 12 - ấp 02	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1257	33	Đinh Thị Nở		01/01/1924	272515789	ấp 3	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1258	34	Đinh Thị Riếp		01/01/1932		Tổ 7, ấp 1	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1259	35	Đinh Thị Rịu		01/01/1936	160209370	Tổ 03, ấp 06	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1260	36	Đinh Thị Rồi		10/02/1940	270408029	tổ 1, ấp 2	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1261	37	Đinh Thị Tý		01/01/1937		Tổ 01, ấp 03	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1262	38	Đinh Văn Hùng	01/01/1980		272618643	ấp 5	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1263	39	Đinh Thị Tý	01/01/1936		270375797	Tổ 13, ấp 04	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1264	40	Đinh Văn Sinh	01/01/1975		271408870	Tổ 6, ấp 5	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1265	41	Đinh Văn Xuyên	01/01/1936		272294808	Tổ 14, ấp 02	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1266	42	Đinh Viết Vân	15/04/1939			ấp 1	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1267	43	Đỗ Đức Trường	11/12/1979		381681888	Tổ 12, ấp 3	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1268	44	Đỗ Ngọc Triệu	14/05/1945		271656964	Tổ 10 - ấp 06	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1269	45	Đỗ Ngọc Yến Nhi		03/12/2009		tổ 6, ấp 5	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1270	46	Đỗ Tấn Phát	27/02/2012			ấp 3	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1271	47	Đỗ Thế Hề	19/05/1949		271770356	Tổ 1, ấp 2	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	

1272	48	Đỗ Thị Chung		01/01/1926		Tổ 15, ấp 4	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1273	49	Đỗ Thị Quy		01/01/1929		ấp 2	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1274	50	Đỗ Thị Tinh		01/01/1929		ấp 3	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1275	51	Đỗ Văn Chung	01/01/1991		272515954	Tổ 08 - ấp 03	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1276	52	Đoàn Phạm Đức Hậu	29/07/2009			Tổ 05 - ấp 06	Khoản 1 điều 5 ND 136	450	1.500	
1277	53	Đoàn Thị Diễm		01/01/1936	271686250	Tổ 10, ấp 02	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1278	54	Đông Văn Thống	01/01/1986		mất CMND	ấp 6	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	600	Đã nhận 900.000đ vé số
1279	55	Dư Bá Nghĩa	17/06/2012			Tổ 15, ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1280	56	Dương Thị Dương		01/05/1933	272310731	Tổ 3 - ấp 2	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1281	57	Dương Thị Thu Hiền		17/04/2004		ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1282	58	Dương Thị Thùy Giao		01/01/1985	271924575	Tổ 06, ấp 01	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1283	59	Dương Thị Vin		01/01/1934	272310928	Tổ 03, ấp 06	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1284	60	Dương Văn Trọng	01/01/1988		272175969	ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1285	61	Giáp Tuấn Tú	04/01/2008			Tổ 06, ấp 03	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1286	62	Hà Anh Tuấn	15/02/1989		272145649	ấp 5	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1287	63	Hà Huy Nư	20/04/1956		271783498	tổ 13, ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1288	64	Hà Thị Giùm		01/01/1937	300145479	ấp 4	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1289	65	Hà Thị Nhung		01/01/1933	276098863	tổ 4, ấp 5	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1290	66	Hà Viết Phát	12/09/1977		272995581	tổ 14, ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1291	67	Hoàng Đình Chiến	01/01/1954		272464220	tổ 1, ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1292	68	Hoàng Lê Phương Linh	10/10/2012			ấp 6	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1293	69	Hoàng Minh Công	24/04/1993		272617274	Tổ 12, ấp 5	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1294	70	Hoàng Ngọc Ý Nhi		08/08/1979	271514416	ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1295	71	Hoàng Phát Huy	05/10/2011			ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1296	72	Hoàng Phi Long	21/12/2007			Tổ 10, ấp 06	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1297	73	Hoàng Thị Hoa		01/01/1982		ấp 1	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1298	74	Hoàng Thị Kinh		01/01/1935	272294870	Tổ 6, ấp 5	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	

1299	75	Hoàng Thị Mơ		01/01/1936	272310823	áp 2	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	500	Chết T4/2020
1300	76	Hoàng Thị Phòng		01/01/1935	272654452	Tổ 04, áp 06	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1301	77	Hoàng Thị Thu		01/01/1928		áp 5	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1302	78	Hoàng Thị Văn Anh		09/02/2015		Tổ 07 - áp 02	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1303	79	Hoàng Thị Vốn		01/01/1935	272554908	Tổ 8, áp 3	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1304	80	Hoàng Thị Xuân Hạ		02/02/2007		Tổ 06, áp 01	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1305	81	Hoàng Văn Dũng	01/01/1971		272362491	áp 6	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1306	82	Hoàng Văn Lộc	01/01/1934		272310584	Tổ 3 . áp 5	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1307	83	Hoàng Văn Thông	06/06/1960		271582930	tổ 6, áp 6	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1308	84	Hon Cón Mạnh	16/07/2009			Tổ 10 - áp 02	Khoản 1 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1309	85	Hong Cóng Sùng	01/01/1937		271309019	áp 1	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1310	86	Hou Quang Bảo	01/01/1997			áp 4	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1311	87	Huỳnh Kim Liên		01/01/1940	270375011	Tổ 17, áp 6	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1312	88	Huỳnh Ngọc Tiến	15/11/2001		k cmnd	tổ 8, áp 3	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1313	89	Huỳnh Thị Bích Trâm		22/02/2006		Tổ 10, áp 04	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1314	90	Huỳnh Thị Ngành		18/01/1939	270508872	áp 4	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1315	91	Huỳnh Thị Ngọc Châu		02/12/2009		Tổ 03, áp 04	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1316	92	Huỳnh Thị Sưa		12/07/1937	272654219	áp 6	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1317	93	Huỳnh Thị Thiên Nga		29/03/1993	272170713	Tổ 3, áp 4	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1318	94	Huỳnh Thị Yến Phương		01/01/1939	280220150	áp 1	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1319	95	Huỳnh Văn Nghĩa	01/01/1964		270577711	Tổ 09, áp 05	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1320	96	Huỳnh Văn Thành	01/09/2006			Tổ 03 - áp 01	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1321	97	Hỷ Công Cú		01/01/1937	270756580	áp 1	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1322	98	Kiều Thị Phương Uyên		01/01/1995	272353423	Tổ 2, áp 2	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1323	99	Kiều Văn Kiên	01/01/1978			áp 3	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1324	100	La Văn Phương	01/01/1956		270424787	tổ 7, áp 4	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1325	101	Lại Thị Vê		01/01/1924		áp 3	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	

1326	102	Lâm Đình Tuấn	09/09/2000			ấp 1	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1327	103	Lâm Ngọc Lan		08/09/1976	271582626	ấp 1	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1328	104	Lâm Phi Long	01/01/1965			Tổ 4, ấp 1	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1329	105	Lâm Văn Dũng	01/01/1963		280772939	Tổ 01 - ấp 02	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1330	106	Lâu A Sầu	16/06/1938		271239847	ấp 1	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1331	107	Lê Anh Kiệt	06/05/2010			Tổ 10, ấp 4	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1332	108	Lê Anh Tuấn	13/05/2003			tổ 4, ấp 4	Khoản 2 điều 5 ND 136	450	1.500	
1333	109	Lê Hoàng Khanh	11/07/1988		271828848	Tổ 14, ấp 02	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1334	110	Lê Hữu Phú Quý	16/02/2013			tổ 10, ấp 6	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1335	111	Lê Minh Đức	22/09/2007			Tổ 05, ấp 02	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1336	112	Lê Ngọc Quyết	01/01/1970		171515675	Tổ 15, ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1337	113	Lê Thị Dự		01/01/1936	272751901	tổ 8, ấp 1	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1338	114	Lê Thị Huệ		01/01/1945	272675446	tổ 13, ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1339	115	Lê Thị Kim Linh		06/09/1981	272294174	Tổ 04 - ấp 04	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1340	116	Lê Thị Luyến		01/09/1939	272170671	Tổ 6, ấp 1	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1341	117	Lê Thị Mười		01/01/1940	271209110	tổ 10, ấp 5	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1342	118	Lê Thị Phước Tâm		01/01/1979	271377617	Tổ 07 - ấp 04	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1343	119	Lê Thị Sầu		01/01/1930	272515835	Tổ 14, ấp 3	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1344	120	Lê Thị Xuân		01/01/1928	272645586	ấp 5	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1345	121	Lê Văn Be	01/01/1931			ấp 4	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1346	122	Lê Văn Bằng	01/01/1964			Tổ 3, ấp 4	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1347	123	Lê Văn Chiến	01/01/1987		271727977	Tổ 06, ấp 03	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1348	124	Lê Văn Khoa	14/04/1964		174601759	Tổ 10, ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1349	125	Lê Văn Mỹ	01/01/1937		320269440	Tổ 11, ấp 05	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1350	126	Lê Văn Ngỗng	01/01/1929			Tổ 11, ấp 5	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1351	127	Lênh Lập Dầu	01/01/1931			ấp 2	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1352	128	Lưu Ni Chi	01/01/1925			Tổ 13, ấp 1	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	

1353	129	Lương Quốc Hùng	01/01/1971		272310089	Tổ 04 - ấp 03	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1354	130	Lương Thị Danh		01/01/1938	270380264	Tổ 01, ấp 05	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500
1355	131	Lương Thị Út Thêu		29/09/1994	272353380	Tổ 17, ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1356	132	Lương Văn Kim	01/01/1926		270429382	ấp 3	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500
1357	133	Lưu Quốc Việt	02/09/2007			tổ 9, ấp 2	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1358	134	Lưu Say Hỷ	01/01/1936		271033605	Tổ 12, ấp 04	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500
1359	135	Lưu Thị Hậu		01/01/1928		ấp 5	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500
1360	136	Lưu Thị Thịnh		01/01/1965	270140676	Tổ 01, ấp 4	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1361	137	Lý Hải Triều	07/01/1994			Tổ 04 - ấp 04	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1362	138	Lý Ngọc Hoa		01/01/1987		ấp 1	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1363	139	Lý Tâm Hiệp	08/11/1987			ấp 1	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1364	140	Lý Thị Sinh Duyên		01/01/1997		Tổ 5, ấp 4	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1365	141	Lý Văn Anh	18/12/1956		Mất cmnd	ấp 2	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1366	142	Mai Kông Minh	01/01/1992			ấp 5	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1367	143	Mai Thị Đảng		01/01/1932	161240025	ấp 3	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500
1368	144	Mai Văn Đực	01/01/1940		272276483	Tổ 13, ấp 1	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500
1369	145	Mai Văn Ván	15/01/1970		271436184	Tổ 01, ấp 01	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1370	146	Ngô An Lành		04/09/2009		tổ 14, ấp 6	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1371	147	Ngô Bảo Ngọc Trâm		01/01/2005		ấp 6	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1372	148	Ngô Công Tú	19/11/2001			ấp 6	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1373	149	Ngô Hoàng Bảo Huy	19/09/2009			tổ 9, ấp 4	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1374	150	Ngô Huy Hoàng	01/01/1981		271455356	ấp 2	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1375	151	Ngô Mộng Nghi		01/01/1999		ấp 7	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1376	152	Ngô Quốc Tính	01/01/1957		Mất cmnd	tổ 7, ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1377	153	Ngô Thị Đáng		01/01/1975		ấp 6	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1378	154	Ngô Thị Dung		11/10/1939	272736120	tổ 4, ấp 6	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500
1379	155	Ngô Thị Kim Ngân		05/09/2007		ấp 6	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500

1380	156	Ngô Thị Lụa		13/03/1958	272873432	ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1381	157	Ngô Thị Ngân		01/01/1924	272310533	ấp 6	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1382	158	NGô Tuấn Ảnh		01/01/1931		ấp 1	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1383	159	Ngô Văn Hòa		01/01/1967		Tổ 14, ấp 06	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1384	160	Ngô Xuân Quảng		01/01/1935	272588054	Tổ 5, ấp 3	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1385	161	Nguyễn Văn Rinh		01/01/1936		Tổ 03, ấp 03	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1386	162	Nguyễn An Khang		28/12/2017		Tổ 4, ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1387	163	Nguyễn Bùi Anh Kiệt		07/10/2006		tổ 1, ấp 6	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1388	164	Nguyễn Đăng Việt		01/01/1958	272294838	ấp 2	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1389	165	Nguyễn Danh Huân		20/11/1971	150971825	tổ 19, ấp 6	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1390	166	Nguyễn Đức Chi		01/01/1938		ấp 1	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1391	167	Nguyễn Đức Trường An		13/06/2014		Tổ 2 ấp 2	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1392	168	Nguyễn Duy Linh		01/01/1967	271987974	Tổ 08 - ấp 03	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1393	169	Nguyễn Duy Phong		27/09/2008		Tổ 13, ấp 04	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1394	170	Nguyễn Duy Vù		01/01/1947	272310540	Tổ 08 - ấp 06	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1395	171	Nguyễn Hà Long		05/05/2012		Tổ 1, ấp 4	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1396	172	Nguyễn Hà Quyết Thắng		09/09/2004		tổ 4, ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1397	173	Nguyễn Hoàng Phi		03/08/2013		ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1398	174	Nguyễn Huy Hùng		14/03/2008		Tổ 01, ấp 01	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1399	175	Nguyễn Mạnh Cường		25/06/1997		Tổ 07, ấp 06	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1400	176	Nguyễn Mạnh Khang		01/01/1929	272548766	ấp 6	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1401	177	Nguyễn Minh Thành		30/04/2004		ấp 1	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1402	178	Nguyễn Minh Tuấn		01/01/1956	272712471	tổ 13, ấp 4	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1403	179	Nguyễn Mót		11/11/1961		Tổ 01, ấp 01	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1404	180	Nguyễn Ngọc Nga		01/01/1975	271843485	ấp 5	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1405	181	Nguyễn Ninh Hà		01/01/1964		ấp 1	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1406	182	Nguyễn Quang Thanh		01/01/1989		ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	

1407	183	Nguyễn Quang Thu	01/01/1982				ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1408	184	Nguyễn Quang Tịnh	01/01/1943		271734334		tổ 6, ấp 1	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1409	185	Nguyễn Quang Vinh	21/01/2015				ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1410	186	Nguyễn Quốc Huy	01/01/1979				Tổ 2, ấp 1	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1411	187	Nguyễn Quốc Phong	27/12/2005				Tổ 04, ấp 04	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1412	188	Nguyễn Thái Mừng		01/01/1943	270138798		Tổ 08 - ấp 01	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1413	189	Nguyễn Thanh Hồng	01/01/1986		mất CMND		Tổ 09 - ấp 04	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1414	190	Nguyễn Thành Luân	12/10/1981		271566636		ấp 1	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1415	191	Nguyễn Thanh Thúy	16/11/2004				tổ 13, ấp 3	Khoản 2 điều 5 ND 136	450	1.500
1416	192	Nguyễn Thanh Tinh	01/01/1940		272145438		Tổ 14, ấp 6	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500
1417	193	Nguyễn Thanh Tùng	13/05/2006				Tổ 13 - ấp 03	Khoản 2 điều 5 ND 136	450	1.500
1418	194	Nguyễn Thanh Vũ	01/01/1983				Tổ 3, ấp 4	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1419	195	Nguyễn Thị Anh		01/01/1939	270096055		ấp 4	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500
1420	196	Nguyễn Thị Bảy		01/01/1932	272441722		Tổ 8, ấp 4	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500
1421	197	Nguyễn Thị Bích Huyền		01/01/1978	272669553		Tổ 17, ấp 03	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1422	198	Nguyễn Thị Cầu		01/01/1937	272464657		Tổ 02, ấp 06	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500
1423	199	Nguyễn Thị Châu		01/01/1939	271547706		ấp 4	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500
1424	200	Nguyễn Thị Chung		01/01/1922	272310083		Tổ 14, ấp 3	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500
1425	201	Nguyễn Thị Đệp		03/02/1938	270476643		Tổ 03, ấp 06	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500
1426	202	Nguyễn Thị Định		10/02/1944	270407755		tổ 7, ấp 4	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1427	203	Nguyễn Thị Hay		05/02/1953	270147105		Tổ 01, ấp 02	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1428	204	Nguyễn Thị Hiền		01/01/1949	272675348		tổ 3, ấp 6	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1429	205	Nguyễn Thị Hòe		01/01/1940	272220899		Tổ 8, ấp 6	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500
1430	206	Nguyễn Thị Khánh		01/01/1938	272310043		Tổ 12, ấp 03	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500
1431	207	Nguyễn Thị Kiều Oanh		11/11/1967	272094788		ấp 2	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500
1432	208	Nguyễn Thị Kim		01/01/1937	270407704		Tổ 01, ấp 06	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500
1433	209	Nguyễn Thị Kim Hường		27/11/1989	271925798		ấp 2	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500

1434	210	Nguyễn Thị Lan		24/04/1974	272654178	Tổ 10, ấp 4	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1435	211	Nguyễn Thị Lê		22/02/1938	270759081	ấp 1	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1436	212	Nguyễn Thị Lệ Thu		15/01/1972	272617218	Tổ 15, ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1437	213	Nguyễn Thị Liễu		01/01/1931	270467116	703, tổ 16, ấp 3	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1438	214	Nguyễn Thị Lư		01/01/1939	270423690	ấp 1	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1439	215	Nguyễn Thị Mai		01/01/1932		tổ 11, ấp 2	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1440	216	Nguyễn Thị Mết		01/01/1963	272414394	Tổ 03 - ấp 01	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1441	217	Nguyễn Thị Minh		20/10/1953	272145778	Tổ 05, ấp 02	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1442	218	Nguyễn Thị Mỏ		01/01/1932	272515386	ấp 3	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1443	219	Nguyễn Thị Mỹ Lệ		01/01/1986		ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1444	220	Nguyễn Thị Ngò		01/01/1958	272925785	ấp 3	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1445	221	Nguyễn Thị Ngoan		01/01/1938		Tổ 01, ấp 03	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1446	222	Nguyễn Thị Ngoin		01/01/1976		ấp 6	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1447	223	Nguyễn Thị Ngọc Bích		01/01/1974		Tổ 17 - ấp 06	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1448	224	Nguyễn Thị Ngọc Mai		09/02/2004		tổ 4, ấp 5	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1449	225	Nguyễn Thị Ngọc Nga		20/07/1970	271414541	Tổ 04, ấp 04	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1450	226	Nguyễn Thị Nhã		19/02/1939	272203059	ấp 1	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1451	227	Nguyễn Thị Nhấn		01/01/1947	272712613	Tổ 10 - ấp 03	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1452	228	Nguyễn Thị Nhuận		01/01/1935	272310178	Tổ 13, ấp 5	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1453	229	Nguyễn Thị Nhung		01/01/1977	272105164	Tổ 7, ấp 6	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1454	230	Nguyễn Thị Nhứ		01/01/1936	272675115	Tổ 16, ấp 03	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1455	231	Nguyễn Thị Ni		01/01/1931	272588151	tổ 11, ấp 1	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1456	232	Nguyễn Thị Phong		01/01/1940	272588300	Tổ 18, ấp 03	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1457	233	Nguyễn Thị Phuong		01/01/1934	270374029	Tổ 9 . ấp 6	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1458	234	Nguyễn Thị Phụng		01/01/1940	272353956	Tổ 4, ấp 3	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1459	235	Nguyễn Thị Quế		01/01/1944	270408381	Tổ 12 - ấp 03	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1460	236	Nguyễn Thị Quy		01/01/1972	272310086	Tổ 06, ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	

1461	237	Nguyễn Thị Quyên		01/01/1985	272654840	ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1462	238	Nguyễn Thị Quyết		01/01/1991		ấp 6	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1463	239	Nguyễn Thị Rậm		01/01/1939	272310946	ấp 6	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1464	240	Nguyễn Thị Sáng		01/01/1938		Tổ 17, ấp 03	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1465	241	Nguyễn Thị Sinh		01/01/1940	272654821	Tổ 16, ấp 3	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1466	242	Nguyễn Thị Tăng		01/01/1927	272712933	Tổ 01, ấp 05	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1467	243	Nguyễn Thị Thanh		01/01/1932	190051887	ấp 1	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1468	244	Nguyễn Thị Thành		01/01/1978		ấp 5	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1469	245	Nguyễn Thị Thanh Cúc		15/01/1973	272294839	ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1470	246	Nguyễn Thị Thoa		01/01/1937	280897522	Tổ 14, ấp 06	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1471	247	Nguyễn Thị Thơm		01/01/1939	272751249	ấp 6	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1472	248	Nguyễn Thị Thổng		20/05/1938	272554303	ấp 1	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1473	249	Nguyễn Thị Thu		01/01/1998	272712295	Tổ 08 - ấp 01	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1474	250	Nguyễn Thị Thu Hà		09/02/2002		tổ 9, ấp 2	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1475	251	Nguyễn Thị Thu Hiền		27/08/1990		Tổ 7, ấp 6	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1476	252	Nguyễn Thị Thu Hồng		01/01/1978	361681053	ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1477	253	Nguyễn Thị Thu Hồng		14/05/1991	272080139	Tổ 13, ấp 4	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1478	254	Nguyễn Thị Thu Hương		01/01/1982		Tổ 2, ấp 1	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1479	255	Nguyễn Thị Thủy Hằng		01/01/1976		ấp 1	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1480	256	Nguyễn Thị Thủy Nga		25/06/2007		Tổ 01, ấp 06	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1481	257	Nguyễn Thị Thủy Vân		01/01/1989	272294980	ấp 6	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1482	258	Nguyễn Thị Tịch		01/01/1936	272495968	Tổ 06, ấp 06	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1483	259	Nguyễn Thị Tinh		01/01/1936		Tổ 09, ấp 04	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1484	260	Nguyễn Thị Toàn		01/01/1944		Tổ 3, ấp 6	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1485	261	Nguyễn Thị Trà My		13/05/2004	276047789	tổ 13, ấp 2	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1486	262	Nguyễn Thị Trúc Ly		28/07/2004	272994220	tổ 13, ấp 6	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1487	263	Nguyễn Thị Tú		15/01/1936	272873535	ấp 3	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	

1488	264	Nguyễn Thị Từ		01/01/1964		Tổ 12 - ấp 03	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1489	265	Nguyễn Thị Tường		01/01/1936	272294696	Tổ 08, ấp 01	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1490	266	Nguyễn Thị Tỷ		01/01/1933	mất CMND	Tổ 12, ấp 6	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1491	267	Nguyễn Thị Tỷ		01/01/1938	272515686	Tổ 03, ấp 03	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1492	268	Nguyễn Thị Vân		01/01/1960		tổ 8, ấp 6	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1493	269	Nguyễn Thị Vân		01/01/1923	mất CMND	Tổ 16, ấp 3	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1494	270	Nguyễn Thị Viễn		01/01/1938	270406231	Tổ 01, ấp 05	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1495	271	Nguyễn Thị Vòng		28/05/1975	271686158	Tổ 3, ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1496	272	Nguyễn Thị Xuân		01/01/1976	272793990	Tổ 13 - ấp 05	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1497	273	Nguyễn Thị Xuân		01/01/1933	272793990	tổ 17, ấp 05	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1498	274	Nguyễn Thị Yến		01/01/1940	272310286	Tổ 8, ấp 6	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1499	275	Nguyễn Trần Trọng Nhân	01/10/2007			tổ 5, ấp 2	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1500	276	Nguyễn Trịnh Hoàng Phúc	28/08/2009			ấp 6	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1501	277	Nguyễn Trọng Nam	17/08/2014			tổ 8, ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1502	278	Nguyễn Trường Thạch	19/08/1988			Tổ 2, ấp 2	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1503	279	Nguyễn Tùng Cương	01/01/1944		272310616	ấp 4	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1504	280	Nguyễn Tường Kim Khánh		04/11/1986		Tổ 15, ấp 4	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1505	281	Nguyễn Văn Bảy	01/01/1986			Tổ 18, ấp 3	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1506	282	Nguyễn Văn Châu	01/01/1939			ấp 5	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1507	283	Nguyễn Văn Chú	01/01/1940		272175089	toổ 17 ấp 4	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1508	284	Nguyễn Văn Cường	20/12/1979		271734283	Tổ 10, ấp 4	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1509	285	Nguyễn Văn Đình	01/01/1960			tổ 1, ấp 5	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1510	286	Nguyễn Văn Đóa	01/01/1954		272310949	Tổ 14 - ấp 06	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1511	287	Nguyễn Văn Đức	01/01/1932			Tổ 8, ấp 5	Khoản 5 điều 5 ND 136	450	1.500	
1512	288	Nguyễn Văn Dũng	01/01/1988			Tổ 14, ấp 6	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1513	289	Nguyễn Văn Hải	01/01/1975		271734932	Tổ 13 - ấp 05	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
1514	290	Nguyễn Văn Hậu	12/01/1975		271756161	ấp 6	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	

1515	291	Nguyễn Văn Hiến	14/01/1959		272310276	tổ 17, ấp 4	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1516	292	Nguyễn Văn Học	01/08/1999			Tổ 03, ấp	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1517	293	Nguyễn Văn Khang	01/01/1975		272873687	ấp 3	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1518	294	Nguyễn Văn Khanh	01/01/1977		272588203	Tổ 8, ấp 4	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1519	295	Nguyễn Văn Khỏe	01/01/1930		271530025	ấp 2	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1520	296	Nguyễn Văn Lanh	01/01/1933		272310607	Tổ 9, ấp 4	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1521	297	Nguyễn Văn Lộc	02/03/1923		272830262	tổ 4, ấp 4	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1522	298	Nguyễn Văn Minh	01/01/1930			ấp 6	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1523	299	Nguyễn Văn Nam	01/01/1965		270608479	ấp 4	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1524	300	Nguyễn Văn Nhất	01/01/1958		271924907	ấp 4	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1525	301	Nguyễn Văn Quý	11/10/1960			ấp 6	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1526	302	Nguyễn Văn Rơi	01/01/1927		272645585	ấp 5	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1527	303	Nguyễn Văn Sự	11/02/1990			tổ 9, ấp 5	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1528	304	Nguyễn Văn Thâu	01/01/1932		272515318	ấp 3	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1529	305	Nguyễn Văn Thông	15/12/1937			Tổ 3, ấp 06	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1530	306	Nguyễn Viết Hợi	01/01/1938		272294767	ấp 4	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1531	307	Nim Sắp Múi		01/01/1932	270241858	Tổ 7, ấp 2	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1532	308	Phạm Đình Hạnh	02/03/1984			Tổ 06, ấp 01	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1533	309	Phạm Gia Khánh	18/06/2009			tổ 1, ấp 1	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1534	310	Phạm Hiếu Nghĩa	01/01/1967			ấp 6	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1535	311	Phạm Hoàng Ngọc Linh		11/09/2007		ấp 6	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1536	312	Phạm Hồng Luân	01/02/1968			Tổ 02, ấp 06	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1537	313	Phạm Huy Hoan	26/09/1951			Tổ 1, ấp 1	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1538	314	Phạm Huy Hoàng	19/03/1954			Tổ 1, ấp 1	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1539	315	Phạm Khánh Ly		05/05/2013		ấp 2	Khoản 1 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1540	316	Phạm Linh Trang		20/03/2009		ấp 2	Khoản 1 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
1541	317	Phạm Lý Thái Lâm	26/07/2012			ấp 3	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	